

Số: 61/2019/HSST

Ngày: 26 -6 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đỉnh

2. Ông Nguyễn Việt Thành

-Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Vi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Sách– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2019/HSST ngày 18 tháng 4 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/HSST-QĐ ngày 11/6/2019 đối với bị cáo:

NGUYỄN HIỀN D, sinh năm 1986 tại Bình Phước; Tên gọi khác: Sáu; nơi cư trú: Thôn 12, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Thầu xây dựng; con ông Nguyễn Th và bà Thái Thị M, vợ Lê Thị S và có 02 người con sinh năm 2011 và 2018; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: bị cáo chưa bị xử lý hành chính hoặc xét xử về hành vi vi phạm pháp luật; bị cáo được tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Nguyễn C, sinh năm 1967; Nơi cư trú: tổ 2, khu phố P, phường T, TP Đ, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Lê Vũ C, sinh năm 1992; Địa chỉ: tổ 1, ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

Nguyễn Trọng P, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần có Ph tiện đi lại để thuận tiện trong C việc nên ngày 21/12/2017, Nguyễn Hiền Đến gặp ông Nguyễn C (sinh năm 1967, cư trú tổ 2, KP.P, phường T, TP.Đ, tỉnh Bình Phước) thỏa thuận thuê xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA ZACE (08 chỗ), màu sơn xanh-xám-bạc, biển số 60A-111.75 thời hạn 01 tháng (21/12/2017-21/01/2018) với giá 6.000.000đ (BL 42).

Đến ngày 19/01/2018, do cần tiền trả tiền C cho C nhân nên D mang xe ô tô biển số 60A-111.75 của ông C (khi chưa hỏi qua ý kiến của ông C) cầm cố cho ông Lê Vũ C1 (sinh năm 1992, là chủ tiệm cầm đồ “C1” tại tổ 1, ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước) lấy số tiền 50.000.000đ, thời hạn cầm 01 tháng (19/01/2018-19/02/2018 (BL64).

Ngày 21/01/2018, đến hạn trả xe ô tô biển số 60A-111.75 cho ông C nhưng vì xe ô tô D đã mang đi cầm nên không có xe để trả vì vậy D đến gặp ông C và nói với ông C xe ô tô biển số 60A-111.75 đang đi làm ở xa nên đề nghị ông C cho gia hạn thời gian thuê xe, ông C đồng ý ký hợp đồng thuê xe với D thời hạn 06 tháng (21/12/2017-21/6/2018).

Ngày 21/02/2018, D có đến gặp ông C1 đóng lãi và nhận lại xe ô tô biển số 60A-111.75 đã cầm. Sau đó ngày 26/01/2018, D tiếp tục đến gặp ông C1 cầm xe ô tô biển số 60A-111.75 với số tiền 60.000.000đ thời hạn 01 tháng (26/01/2018-26/02/2018) (BL65), trong thời gian cầm cố D có đến gặp ông C1 hai lần (ngày 05/02/2018 và ngày 14/02/2018) để tăng số tiền cầm cố mỗi lần 5.000.000đ (BL65). Đến hạn chuộc lại xe nhưng D không có tiền chuộc lại xe ô tô biển số 60A-111.75 nên D gọi điện thoại cho ông C1 gia hạn thời hạn cầm xe biển số 60A-111.75 đến ngày 14/5/2018, ông C1 đồng ý.

Ngày 14/5/2018, D đến gặp ông C1 trả số tiền lãi cầm đồ là 12.800.000đ và viết lại giấy biên nhận cầm đồ xe ô tô biển số 60A-111.75 với số tiền là 100.000.000đ trong thời hạn 01 tháng (14/5/2018-14/6/2018). Ngày 14/6/2018, đến hạn chuộc xe ô tô biển số 60A-111.75 ông C1 gọi điện thoại thông báo cho D biết nếu không chuộc lại xe ông C1 sẽ thanh lý xe ô tô biển số 60A-111.75 (BL66, 67).

Đến ngày 21/6/2018, hết thời hạn thuê xe với ông C nên D đến gặp ông C thỏa thuận tiếp tục thuê xe ô tô biển số 60A-111.75 của ông C thêm 03 tháng (21/6/2018-21/9/2018), ông C đồng ý (chỉ thỏa thuận miệng không ký kết hợp đồng).

Ngày 18/7/2018, D vẫn không mang tiền đến chuộc xe ô tô biển số 60A-111.75 và không thông báo cho ông C1 về việc có tiếp tục cầm xe ô tô biển số 60A-111.75 nữa hay không nên ông C1 bán xe ô tô biển số 60A-111.75 cho Nguyễn Trọng Ph (sinh năm 1988, cư trú ấp 7, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước) với giá 130.000.000đ (BL82).

D trả tiền thuê xe cho ông C được 01 tháng, đến tháng 7/2018 thì D biết ông C1 đã bán xe ô tô biển số 60A-111.75 nên D bỏ đi làm ở huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, không tiếp tục trả tiền thuê xe cho ông C nữa và cũng không thông báo gì cho ông C biết về việc cầm xe không có tiền chuộc, cũng như việc D rời khỏi địa Ph. Đến hạn trả xe ngày 21/9/2018, không thấy D mang xe về trả và không liên lạc được với D nên ông C làm đơn tố cáo gửi đến C an TP.Đồng Xoài (BL38-39 lời khai Nguyễn C, 54-57 hỏi cung bị can D, 70-71 lời khai Lê Vũ C1).

Anh Ph sau khi mua được xe ô tô biển số 60A-111.75 thì ngày 03/10/2018, anh Ph đến gặp ông C để làm thủ tục sang tên thì được biết xe này D thuê của ông C nên đã giao nộp cho C an (BL77).

Căn cứ Kết luận định giá số 127/KLĐG ngày 11/10/2018 của Hội đồng định giá về tài sản trong tố tụng hình sự TX.Đồng Xoài xác định xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA ZACE (08 chỗ), màu sơn xanh-xám-bạc, biển số 60A-111.75 trị giá tại thời điểm chiếm đoạt là 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng)(

Vật chứng vụ án:01 xe mô tô nhãn hiệu TOYOTA Zace, loại 8 chỗ ngồi, biển số 60A-11.75 màu xanh xám bạc là của ông Nguyễn C nên Cơ quan CSĐT đã trả lại cho ông C.

Trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn C yêu cầu bị cáo trả số tiền thuê xe còn thiếu là 16.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường cho ông C số tiền 6.000.000 đồng.

Anh Lê Vũ C1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền cầm cố xe ô tô biển số 60A-11.75 là 55.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường cho anh C1 số tiền 24.000.000 đồng.

Đối với anh Nguyễn Trọng Ph là người mua xe ô tô 60A-11.75 của anh Lê Vũ C1, anh C1 đã trả lại cho anh Ph số tiền 130.000.000 đồng nên anh Ph không có yêu cầu bồi thường gì.

Bản cáo trạng số 41/Ctr-VKS ngày 18/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Hiền D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành giữ quyền C tố luận tội và tranh luận: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu. Gia đình bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả. Người bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Ý kiến của bị cáo: đồng ý về tội danh, điều luật mà đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền C tố tại phiên tòa đề nghị áp dụng với bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của mình sai trái và rất hối hận. Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra C an huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có

ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trọng Ph có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận:

Do cần Ph tiện đi lại để thuận tiện trong C việc nên ngày 21/12/2017 Nguyễn Hiền D đã thỏa thuận với ông Nguyễn C để thuê xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA ZACE 08 chỗ màu sơn canh-xám-bạc biển số 60A-111.75 với thời hạn 01 tháng với giá 6.000.000 đồng. Đến ngày 19/01/2018 do không có tiền trả C cho C nhân nên D mang xe ô tô trên đi cầm cố lấy 50.000.000 đồng nhưng không thông báo cho ông C. Sau khi đến hạn trả xe nhưng D không có tiền chuộc xe cho ông C. Kết luận định giá xác định xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA ZACE 08 chỗ màu sơn canh-xám-bạc biển số 60A-111.75 có giá trị 130.000.000 đồng. Hành vi lợi dụng sự tin tưởng của bị hại cho thuê xe ô tô để làm Ph tiện đi lại nhưng sau đó đi cầm cố và không thông báo cho người bị hại cũng như không chuộc xe về cho bị hại do Nguyễn Hiền D thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do tài sản chiếm đoạt có giá trị 130.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết định khung “chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Bị cáo không phải chịu tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu. Bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo xin cho bị cáo được hưởng án treo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên chỉ cần áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo là phù hợp.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm việc nhất định từ một năm đến năm năm và bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn C yêu cầu bị cáo trả số tiền thuê xe còn thiếu là 16.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường cho ông C số tiền 6.000.000 đồng. Ông C yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho ông C số tiền 10.000.000 đồng.

Anh Lê Vũ C1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 100.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường cho anh C1 số tiền 69.000.000 đồng. Nay anh C1 yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 31.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường cho anh Lê Vũ C1 số tiền 31.000.000 đồng.

Xét thấy, sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với anh Nguyễn Trọng Ph là người mua xe ô tô 60A-11.75 của anh Lê Vũ C1, anh C1 đã trả lại cho anh Ph số tiền 130.000.000 đồng nên anh Ph không có yêu cầu bồi thường gì.

[5] Về vật chứng vụ án: xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA ZACE 08 chỗ màu sơn canh-xám-bạc biển số 60A-111.75 là tài sản của ông Nguyễn C nên Cơ quan CSĐT đã trả lại cho ông C.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hiền D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hiền D 02 (Hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Long Hà, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước quản lý, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án

trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn C số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh Lê Vũ C1 số tiền 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo phải chịu 2.050.000 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Chơn Thành;
- CCTHADS huyện Chơn Thành;
- CA huyện Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thúy Hằng